TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 26/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Nhật Quang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Chương
Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 07/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-DS ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-DS ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB); Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ KHCN;

Người đại diện của nguyên đơn (Người được ủy quyền lại): Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1978, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng 3, số 199 B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng *(Theo Giấy ủy quyền số 13709.19 ngày 13/9/2019)*. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 9, T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; và bà Vũ Thị T, sinh năm 1984, địa chỉ: Xóm C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ông H, bà T đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh *(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/7/2020 tại Văn phòng công chứng Vũ Tiến Luật).* Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm H và vợ là bà Vũ Thị T vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là Ngân hàng V) - Chi nhánh Quảng Ninh - Phòng Giao dịch H (nay là Phòng Giao dịch M) theo Hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016, nội dung theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Phụ lục đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, cụ thể: Khoản vay (số tiền) 420.000.000 đồng; Mục đích vay: sửa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình; Ngày giải ngân 20/10/2016; Thời hạn vay: 120 tháng từ 20/10/2016 đến 20/10/2026; Lãi suất cho vay thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, lãi suất cho vay bằng 9,49%/năm (lãi suất ưu đãi, chỉ áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân), hết thời gian ưu đãi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở + 3,99%/năm do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần; Hoàn trả khoản vay gốc: trả đều vào ngày 25 hàng tháng, số tiền phải trả mỗi kỳ là 3.500.000đ, dư nợ còn lại thanh toán khi hết hạn; Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng 49,8 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Khu phố 4, T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 06 (tương ứng thửa số 261, tờ bản đồ mới 46, đo đạc năm 2012) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC176165, số vào sổ cấp GCN: CH02410 UBND thị xã Q cấp ngày 03/02/2016 (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150.HĐTC1.031.16, lập ngày 19/10/2016 tại Văn phòng công chứng Uông Bí, đăng ký thế chấp ngày 20/10/2016 theo hồ sơ số TC1339).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V nên khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/04/2018. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông H và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V, thu hồi nợ của Ngân hàng V. Đến thời điểm này ông H và bà T còn nợ gốc là 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử hôm nay 26/8/2020 là 178.278đ (Một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Ngân hàng V yêu cầu ông Phạm H và bà Vũ Thị T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên; và tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 27/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ. Trong trường hợp ông Phạm H và bà Vũ Thị T không trả hết nợ một lần cho VIB, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại hợp đồng thế chấp đã ký kết. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng V đã nộp, trong quá giải quyết vụ án Ngân hàng có yêu cầu bị đơn phải chịu khoản chi phí này; tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi

quan điểm là Ngân hàng V tự nguyện chịu khoản chi phí này không yêu cầu bị đơn phải hoàn trả nữa.

- Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm H và bà Vũ Thị T trình bày:

Vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng V 01 (một) khoản vay tiêu dùng 420.000.000 đồng như đại diện Ngân hàng trình bày ở trên là đúng, theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp ký giữa hai bên. Quá trình thực hiện đến khoảng giữa năm 2018, do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông H, bà T đã không trả được nợ hàng tháng đúng kỳ hạn. Đến tháng 10 năm 2019, khi được Ngân hàng V thông báo đã khởi kiện đến Tòa án, ông bà đã cố gắng khắc phục khó khăn, thu xếp tiền để nộp trả đầy đủ nợ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền phạt tính đến tháng 10/2019. Từ đó đến nay ông H, bà T hàng tháng vẫn thực hiện nộp tiền đầy đủ để trả gốc và lãi cho Ngân hàng V theo thông báo của Ngân hàng V (gửi qua tin nhắn điện thoại vào số điện thoại của ông H: 0974472988). Nay Ngân hàng yêu cầu chúng tôi phải trả nợ ngay một lần số tiền gốc, do khả năng kinh tế của gia đình khó khăn, nên ông bà không thực hiện được, ông H và bà T đề nghị Ngân hàng V tạo điều kiện cho ông bà được tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết, trả nợ gốc và tiền lãi hàng tháng cho đến hết thời hạn của Hợp đồng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được do nguyên đơn, bị đơn không thống nhất được phương án trả nợ.

- Ông Vũ Văn T (đại diện theo ủy quyền của bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/8/2020, nội dung đơn của ông T có đưa ra quan điểm của bị đơn về việc hỏi và tranh luận, các vấn đề cần làm rõ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm; các nội dung trong Đơn đề ngày 26/8/2020 của ông T đã được đại diện nguyên đơn là ông P giải thích, làm rõ cụ thể từng nội dung, tranh luận phản bác, và đưa ra lập luận để bảo vệ quan điểm của Ngân hàng V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016 đang còn thời hạn 10 năm theo thỏa thuận

của hai bên; việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đã được khắc phục; hiện các bên vẫn đang thực hiện các thỏa thuận theo hợp đồng, khách hàng vẫn nộp trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng; không có bên nào đưa ra yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng; nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

+ Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ngân hàng V phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016 giữa Ngân hàng V với ông Phạm H và bà Vũ Thị T, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Phạm H, bà Vũ Thị T có nơi cư trú tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện, tranh chấp xảy ra trong thời hạn của hợp đồng tín dụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu.

Về sự vắng mặt của bị đơn và đại diện theo ủy quyền, ông H và bà T đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Các bên ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Nguyên đơn là tổ chức tín dụng, bị đơn là các cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn là sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đã được hai bên ký kết tại hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016.

[3] Về nội dung vụ án:

Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện , ông Phạm H và bà Vũ Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16 ngày 19/10/2016 với Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ninh - Phòng Giao dịch H (nay là Phòng Giao dịch M) để vay số tiền 420.000.000 đồng, lãi suất vay là 9,49%/

năm trong 24 tháng đầu, từ tháng thứ 25 trở đi lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 3,99%/năm do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần, thời hạn vay 120 tháng từ 20/10/2016 đến 20/10/2026.

Hội đồng xét xử thấy rằng : Nguyên đơn Ngân háng V xác định tính đến ngày 02/7/2020, tổng dư nợ gốc ông H, bà T còn nợ VIB là 266.000.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì khác về số dư nợ gốc mà Ngân hàng đưa ra; cho đến 02 kỳ trả nợ gần đây nhất là ngày 25/7/2020 và 25/8/2020, bị đơn đều nộp tiền gốc theo kỳ (3.500.000đ/kỳ) và tiền lãi hàng tháng, được Ngân hàng V xác nhận là đúng.

Xét thấy rằng, hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết , hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái quy định pháp luật, nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng tín dụng là 10 năm, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay một số lần vi phạm thời hạn trả nợ theo kỳ (trả nợ gốc và tiền lãi vào ngày 25 hàng tháng) nên phát sinh căn cứ để Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tại Tòa án. Tuy nhiên, khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự để giải quyết, bên vay đã khắc phục toàn bộ vi phạm bằng việc nộp trả đầy đủ các khoản nợ gốc đến hạn, nợ lãi trong hạn và quá hạn, nộp tiền phạt, bộ phận tín dụng cho vay của Ngân hàng V là Phòng giao dịch M đã thu các khoản tiền này. Như vậy, trong thời gian giải quyết vụ án (từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay), các vi phạm của bên vay về nghĩa vụ trả nợ đã được khắc phục hoàn toàn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H bà T trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần toàn bộ số dư nợ còn lại cho Ngân hàng, ông bà trình bày nguyện vọng mong muốn Ngân hàng V tạo điều kiện cho ông bà được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký, ông H và bà T cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản quy định tại hợp đồng tín dụng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo hướng cho phép ông bà được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc Ngân hàng V ra Quyết định số 45203.20 ngày 31/3/2020 về việc thu hồi toàn bộ khoản nợ (gốc, lãi, lãi quá hạn) của khách hàng Phạm H và Vũ Thị T, và Thông báo số 37209.20 ngày 31/3/2020 về việc thu hồi nợ trước hạn đối với bên vay là hành vi pháp lý đơn phương. Hai văn bản này được ban hành ngày 31/3/2020, nhưng đến ngày 27/4/2020 mới được gửi cho bên vay, theo dấu bưu cục nơi gửi (BL 121, 122), là sau ngày bên vay đã nộp tiền trả nợ của *kỳ 25/03/2020*.

Đồng thời, sau khi phát hành 02 văn bản nêu trên, Ngân hàng V cũng không thực hiện *"Chấm dứt Hợp đồng tín dụng; và hoặc Chuyển toàn bộ dư nợ của bên vay tại VIB sang nợ quá hạn"* và áp dụng mức lãi suất quá hạn trên toàn bộ số dư nợ gốc, theo Mục iii), Mục viii) điểm b khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng 150.HĐTD1.031.16; Ngân hàng V cũng không yêu cầu Phòng giao dịch M dừng việc thực hiện hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16, mà

hàng tháng Ngân hàng vẫn gửi thông báo trả tiền gốc và tiền lãi định kỳ bằng tin nhắn SMS vào số máy 0974472988 của ông Phạm H, khi bên vay nộp tiền vào tài khoản thì Ngân hàng vẫn thực hiện việc trích tài khoản của khách hàng để thu gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng, việc tính lãi và hạch toán khoản vay vẫn căn cứ theo các điều khoản quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, có thể thấy một mặt bộ phận thu nợ của Ngân hàng V (Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro) vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bên vay phải trả ngay một lần toàn bộ số dư nợ còn lại của ông H và bà T tại VIB, mặt khác thì bộ phận tín dụng của Ngân hàng V là Phòng giao dịch M và khách hàng lại vẫn thực hiện các điều khoản như đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, đó là hàng tháng Ngân hàng vẫn thông báo và thực hiện thu nợ gốc và nợ lãi (các kỳ gần đây nhất là ngày **25/7/2020 và 25/8/2020**, khách hàng vẫn nộp tiền và Ngân hàng vẫn thu tiền theo Hợp đồng tín dụng). Như vậy, trong chính hệ thống Ngân hàng cũng không có quan điểm nhất quán về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho đại diện Ngân hàng các quy định của pháp luật về các trường hợp chấm dứt hợp đồng dân sự, và hướng dẫn nguyên đơn để có căn cứ đòi toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh (theo Hợp đồng tín dụng số 150 đã ký giữa Ngân hàng V và ông H, bà T) thì Ngân hàng V có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó Ngân hàng có thể thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật, thông báo cho bị đơn, và yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt Hợp đồng số 150 và yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng, từ đó có căn cứ buộc ông H, bà T phải trả toàn bộ số tiền gốc còn lại và các khoản lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16.

Khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ của bên cho vay trong hợp đồng vay tài sản:

"Điều 465. Nghĩa vụ của bên cho vay

3. Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại Điều 470 của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan quy định khác".

Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi năm 2017 quy định:

"Điều 95. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất

*1. Tổ chức tín dụng có quyền **chấm dứt việc cấp tín dụng**, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng."*

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng" quy định:

"Điều 21. Chấm dứt cho vay, xử lý nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, phí

*1. Tổ chức tín dụng **có quyền chấm dứt cho vay**, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong thỏa thuận cho vay và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, **tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay**, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn."*

Theo các quy định nêu trên thì để thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng V phải thực hiện quyền chấm dứt cho vay, hay nói cách khác là chấm dứt hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật, từ đó mới có cơ sở để đòi nợ trước hạn. Trong vụ án này, bên cho vay không có yêu cầu chấm dứt hợp đồng mặc dù Tòa án đã giải thích cho đại diện Ngân hàng, nên không có căn cứ để đòi bên vay phải trả ngay một lần số tiền nợ gốc còn lại trước thời hạn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn không yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng số 150.HĐTD1.031.16.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: (1) Trước khi Tòa án thụ lý vụ án, các vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã được khắc phục toàn bộ; (2) Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và các bên vẫn đang tự nguyện thực hiện; (3) Thời hạn của hợp đồng tín dụng vẫn còn, không có bên ký kết nào đưa ra yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng, hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả ngay một lần cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 26/8/2020 là 178.278đ (Một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

[4] Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng thì ông Phạm H, bà Vũ Thị T đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150.HĐTC1.031.16, lập ngày 19/10/2016 tại Văn phòng công chứng Uông Bí. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên. Tuy nhiên, do yêu cầu đòi trả ngay một lần số tiền nợ gốc còn lại của nguyên đơn đối với bị đơn không được chấp nhận, nên vấn đề xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.996.000 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày quan điểm Ngân hàng V tự nguyện chịu toàn bộ, nên chấp nhận. Số tiền này đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 7.000.000 đồng và đã được quyết toán trả lại đầy đủ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, nên Ngân hàng V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 259.178.278 đồng x 5% = 12.958.914 đồng. Ngân hàng V đã nộp 9.887.000 đồng tạm ứng án phí, được đối trừ, Ngân hàng VIB còn phải nộp 3.071.914 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 155, 156, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 3 Điều 465, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.996.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Ngân hàng TMCP Q đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) phải chịu 12.958.914đ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng V đã nộp 9.887.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001640 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, được đối trừ, Ngân hàng TMCP Q phải nộp tiếp 3.071.914đ (Ba triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm mười bốn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2020), bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- VKSND thị xã Q;
- VKSND tỉnh Q.Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Lưu.

Phạm Nhật Quang